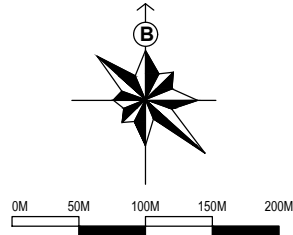
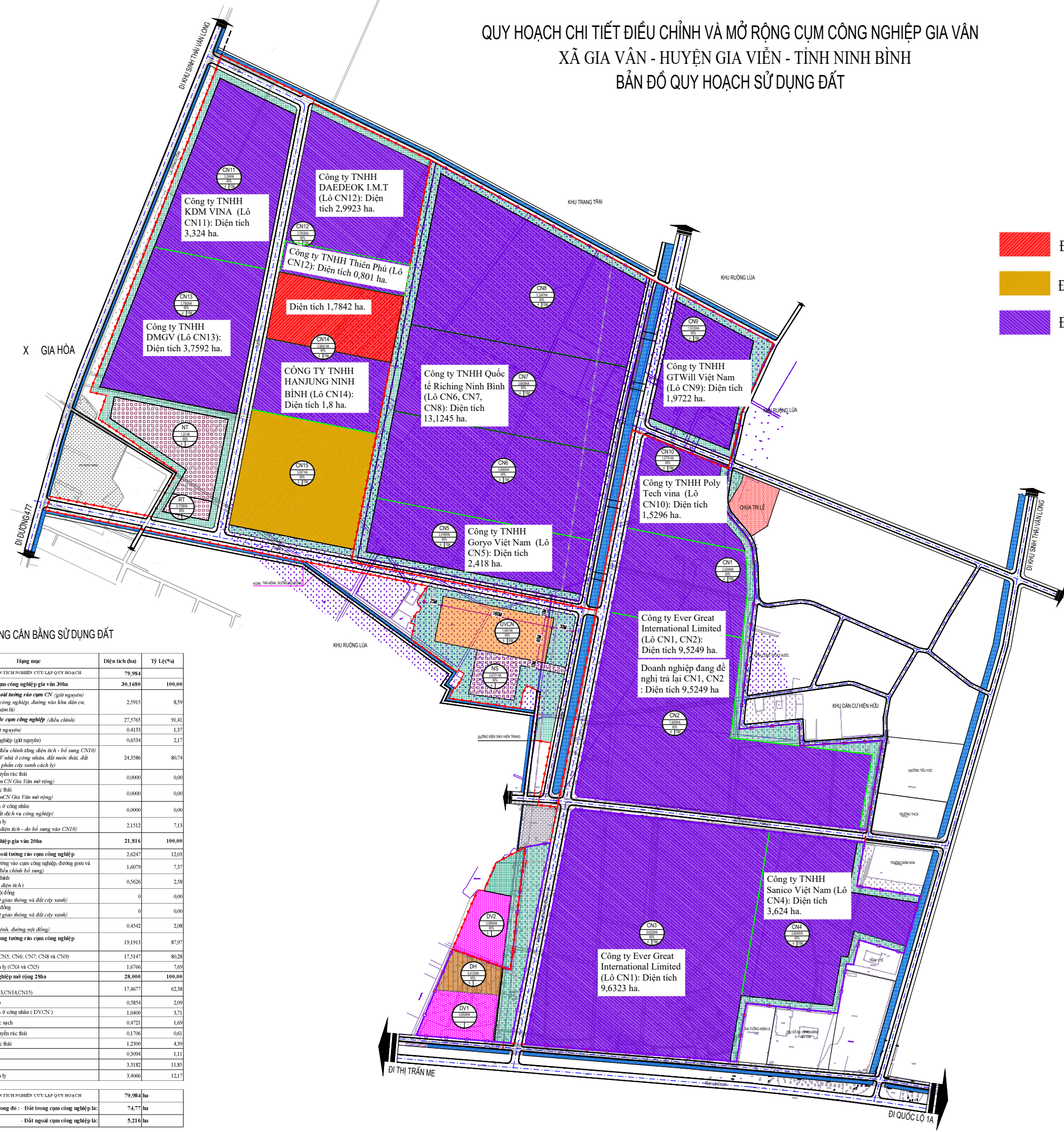


QUY HOẠCH CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH VÀ MỞ RỘNG CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN
XÃ GIA VÂN - HUYỆN GIA VIỄN - TỈNH NINH BÌNH
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



- ĐẤT CÔNG NGHIỆP CÓ THỂ CHO THUÊ: 1,7842 HA
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP ĐÃ KÝ THỎA THUẬN CHO THUÊ: 3,007 HA.
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP ĐÃ CHO THUÊ: 54,55 HA

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ Lệ(%)
TỔNG DIỆN TÍCH NGUYÊN CỬU LẬP QUY HOẠCH		79,984	
A	Điều chỉnh địa điểm xây dựng khu vực công nghiệp gia vân 30ha	30,1680	100,00
I Diện tích nằm ngoài tương đương của CN (giao nguyên)			
1	Đường vào cụm công nghiệp, đường vào khu dân cư, đường phân lô chi tiết	2,5915	8,59
II Diện tích đất thuộc cụm công nghiệp (điều chỉnh)			
1	Đất điều hành (giao nguyên)	0,4133	1,37
2	Đất dịch vụ công nghiệp (giao nguyên)	0,6534	2,17
3	Đất công nghiệp (điều chỉnh tăng diện tích - bổ sung CN10) (Chuyển từ đất DV nhà ở công nhân, đất nước thái, đất nước sạch và một phần cây xanh cách ly)	24,3586	80,74
4	Đất trạm trung chuyển rác thải (Chuyển sang cụm CN Gia Vân mở rộng)	0,0000	0,00
5	Đất khu xử lý nước thải (Chuyển sang cụm CN Gia Vân mở rộng)	0,0000	0,00
6	Đất dịch vụ và nhà ở công nhân (Chuyển thành đất dịch vụ công nghiệp)	0,0000	0,00
7	Đất cây xanh cách ly (điều chỉnh giảm diện tích - do bổ sung vào CN10)	2,1512	7,13
B	Đất cụm công nghiệp gia vân 20ha	21,816	100,00
I Diện tích nằm ngoài tương đương của cụm công nghiệp			
1	Đất giao thông (đường vào cụm công nghiệp, đường gom và đường dân sinh) (điều chỉnh bổ sung)	1,6079	7,37
2	Kênh thoát nước chính (Điều chỉnh giảm diện tích)	0,5626	2,58
3	Hoàn trả đường nội đồng (Chuyển sang đất giao thông và đất cây xanh)	0	0,00
4	Hoàn trả kênh nội đồng (Chuyển sang đất giao thông và đất cây xanh)	0	0,00
5	Đất cây xanh (bổ sung từ đất kênh, đường nội đồng)	0,4542	2,08
II Diện tích nằm trong tương đương của cụm công nghiệp (giao nguyên)			
1	Đất công nghiệp (CN5, CN6, CN7, CN8 và CN9)	17,5147	80,28
2	Đất cây xanh cách ly (CN4 và CN5)	1,6766	7,69
C	Đất Cụm công nghiệp mở rộng 28ha	28,000	100,00
1	Đất công nghiệp (CN11,CN12,CN13,CN14,CN15)	17,4677	62,38
2	Đất dịch vụ (DV2)	0,5854	2,09
3	Đất dịch vụ và nhà ở công nhân (DVCN)	1,0400	3,71
4	Đất trạm cấp nước sạch	0,4721	1,69
5	Đất trạm trung chuyển rác thải	0,1706	0,61
6	Đất khu xử lý nước thải	1,2300	4,39
7	Đất kênh mương	0,3094	1,11
8	Đất giao thông	3,3182	11,85
9	Đất cây xanh cách ly	3,4066	12,17
TỔNG DIỆN TÍCH NGUYÊN CỬU LẬP QUY HOẠCH		79,984	ha
Chỉ chú:		Trong đó :- Đất trong cụm công nghiệp là:	74,77
		- Đất ngoài cụm công nghiệp là:	5,216
			ha



GHI CHÚ:

- RANH GIỚI CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN D - ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (30,168HA)
- RANH GIỚI TƯỜNG RÀO CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN D - ĐƯỢC PHÉ DUYỆT
- RANH GIỚI QUY HOẠCH KHU 20HA ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN
- RANH GIỚI TƯỜNG RÀO KHU 20HA ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN
- RANH GIỚI QUY HOẠCH CỤM CÔNG NGHIỆP GIA VÂN MỞ RỘNG
- ĐƯỜNG ĐIỆN 38KV HIỆN TRẠNG
- ĐẤT DỊCH VỤ TƯỜNG MẠC
- ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯNG
- ĐẤT NGHỈ TRẠNG
- KÊNH MƯƠNG, MẶT NƯỚC
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP (CN)
- ĐẤT NHÀ ĐIỀU HÀNH(H)
- ĐẤT DỊCH VỤ VÀ NHÀ Ở CÔNG NHÂN(DVCN)
- ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP (DV)
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY (CX)
- TRẠM CẤP NƯỚC SẠCH (NS)
- KHU TRUNG CHUYỂN RÁC THẢI (RT)
- KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI CN (NT)

CN3

9.6323HA

60%

4

15M

TÊN LÔ ĐẤT

DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT

MẬT ĐỘ XÂY DỰNG

CHIỀU CAO TỐI ĐA

SỐ TẦNG CAO TỐI ĐA

CHIỀU CAO TỐI ĐA

UBND TỈNH NINH BÌNH			
(KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: /QĐ-UBND NGÀY: / /2018 CỦA UBND TỈNH NINH BÌNH)			
SỞ XÂY DỰNG NINH BÌNH			
(KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: /TTR-SXD NGÀY: / /2018 CỦA SỞ XÂY DỰNG NINH BÌNH)			
SỞ CÔNG THƯƠNG NINH BÌNH			
UBND HUYỆN GIA VIỄN			
UBND XÃ GIA VÂN			
CÔNG TY TNHH THIÊN PHÚ			
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: QUY HOẠCH CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH VÀ MỞ RỘNG CỤM CN GIA VÂN XÃ GIA VÂN - HUYỆN GIA VIỄN - TỈNH NINH BÌNH			
TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT			
BẢN VẼ: QH-03	KHỐ GIẤY: A0	TỶ LỆ: XÍCH	HOÀN THÀNH 2018
THIẾT KẾ			
THỂ HIỆN			
CHỦ TRƯỞNG			
QUẢN LÝ THIẾT			
CHỦ NHÌM ĐỒ ÁN			